

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17-7-2020

V/v “Kiện xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THỦY, TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Bùi Thị Bình, Trưởng ban dân vận - Chủ tịch Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình.

2. Ông: Vũ Mạnh Tùng, Chủ tịch Hội khuyến học huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình.

- Thư ký phiên tòa : Bà Phan Thị Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy , tỉnh Hoà Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 07 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 161/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2019 về việc kiện “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐHPT-ST ngày 26/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Viết M, sinh năm 1963; Địa chỉ: Xóm Hợp Thành, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; Địa chỉ: Xóm Hợp Thành, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (Có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị: Phạm Thị B, sinh năm 1985; Trú tại: Xóm Hợp Thành, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (Có mặt).

3.2. Chị: Phạm Thị Đào, sinh năm 1988; Trú tại: Số nhà B06 tổ 7, khu phố 3A, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

3.3. Anh: Phạm Viết Thành, sinh năm 1989; Trú tại: Xóm Hợp Thành, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy tỉnh Hoà Bình (Có mặt)

3.4. Anh: Phạm Viết Công, sinh năm 1989; Trú tại: Khu dân cư Hiệp Thượng, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 23/12/2019, bản tự khai ngày 13/01/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Viết M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Viết M và bà Nguyễn Thị H kết hôn vào tháng 01/1982, có đến đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, không có tiếng nói chung, không có sự tôn trọng nhau, nghi ngờ nhau không chung thủy, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù cũng đã được gia đình hai bên nội ngoại khuyên bảo nhiều lần nhưng hai vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, tình cảm rạn nứt, không hàn gắn được. Tháng 4/2019 ông đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Thị H nhưng ngày 22/7/2019 con gái lớn của ông là Phạm Thị Hoan tử vong nên ông đã rút đơn. Sau khi ông rút đơn, vợ chồng cũng không hàn gắn được tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vì vậy ông đề nghị Tòa án huyện Yên Thủy giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Ông M, bà H có 05 con chung tên là Phạm Thị Hoan, sinh năm 1984 (tử vong ngày 22/7/2019); Phạm Thị B, sinh năm 1985; Phạm Thị Đào, sinh năm 1988; Phạm Viết Thành, sinh năm 1989; Phạm Viết Công, sinh năm 1989. Vợ chồng ly hôn tất cả các con của ông đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Tài sản chung của vợ chồng gồm có:

- 01 Ngôi nhà hai tầng, tầng một đồ mái bằng, xây năm 2005; tầng hai xây năm 2017, lợp tôn xộp 03 lớp.

- 01 Bếp + công trình phụ + chuồng trại, lợp ngói pơ rô xi măng + tôn và mái tôn hành lang giáp nương nước, nâng cấp xây dựng năm 2017.

Toàn bộ nhà + bếp + công trình phụ + chuồng trại, hành lang giáp nương nước nêu trên nằm trên diện tích đất 291,1m², đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BS 673403, mang tên hộ ông Phạm Viết M và bà Nguyễn Thị H, cấp ngày 31/12/2013 và toàn bộ diện tích đất 291,1m², thửa đất số 152, tờ bản đồ số 48, GCNQSDĐ số BS 673403, mang tên hộ ông Phạm Viết M và bà Nguyễn Thị H, cấp ngày 31/12/2013, địa chỉ thửa đất tại: Xóm Bảo Yên, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (nay đã đổi tên thành xóm Hợp Thành, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình).

* **Nguồn gốc đất thổ cư:** Đất thổ cư hiện nay ông đang ở là đất hồ nước do nhà nước quản lý nhưng do ông lấn chiếm nhảy dù đến năm 1997 ông xây móng và

làm nhà tạm để ở, một vài năm sau Ủy ban nhân dân xã Bảo Hiệu quy hoạch làm khu dân cư, đất ông lấn chiếm phù hợp với quy hoạch và không có tranh chấp nên được nhà nước tạo điều kiện để ông ở. Phòng tài nguyên- môi trường đã tiến hành đo đạc đất của ông đang ở nhưng phải nộp 100% tiền sử dụng đất, ông đã nộp tiền, làm thủ tục kê khai và theo Chỉ thị 18/1999/CT-CP ngày 01/7/1999 của thủ tướng chính phủ, chỉ thị về một số biện pháp đẩy mạnh việc hoàn thành cấp GCNQSDĐ nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất ở nông thôn vào năm 2000 thì ngày 18/12/2000 ông được cấp GCNQSDĐ số R 987833 với diện tích 58,8m², mang tên hộ ông Phạm Viết M tại xóm Bảo Yên, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh H Bình. Đến năm 2010 thực hiện theo dự án đo đạc địa chính quy ông đã làm hồ sơ kê khai cấp đổi lại GCNQSDĐ và được cấp GCNQSDĐ số BS 673403, diện tích 291,1m², thửa đất số 152, tờ bản đồ số 48, mang tên hộ ông Phạm Viết M và bà Nguyễn Thị H, cấp ngày 31/12/2013 tại xóm Bảo Yên, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (nay là xóm Hợp Thành, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình).

Vợ chồng ly hôn ông có nguyện vọng để lại nhà và đất cho bà Hoà sở hữu sử dụng nhưng bà Hoà phải thanh toán trả cho ông ½ giá trị tài sản. Ông sẽ cầm tiền và ra đi. Còn trường hợp bà H không lấy nhà, đất thì ông sẽ lấy nhà, đất và trả cho bà H ½ giá trị nhà, đất theo như định giá của Hội đồng định giá. Riêng chi phí thẩm định, định giá tài sản là 2.000.000 đồng ông M tự nguyện nộp và không có ý kiến gì.

*** Ngoài tài sản nhà, đất trên vợ chồng còn có các tài sản sau:**

- 01 Xe máy ANGEL cũ, biển kiểm soát 28F8-3069, giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Bùi Thị Yên, cấp ngày 08/7/2005.

- 01 Tivi panasonic 39 in cũ
- 01 Bộ bàn ghế gỗ cũ
- 01 Máy điều Hoà nhãn hiệu Mitsumitsi
- 01 Máy giặt Sanyo 6,8kg cũ
- 01 Bình nước nóng Ariston cũ
- 01 Tủ lạnh cũ
- 01 Máy lọc nước nhãn hiệu Karofi cũ
- 01 Téc nước 1000 lít nhãn hiệu Sơn Hà cũ
- 01 Máy rửa xe gia đình cũ
- 01 Máy nghiền mi ni gia đình nhãn hiệu Toàn Phát cũ
- 02 Quạt cây điện cơ cũ
- 01 Quạt treo tường cũ
- 01 Quạt trần cũ
- 02 Quạt tản gió cũ

Vợ chồng ly hôn ông xin tự nguyện thỏa thuận và đề nghị Tòa ghi nhận vào biên bản, cụ thể:

Ông Phạm Viết M được sở hữu, sử dụng: 01 Xe máy ANGEL cũ, biển kiểm soát 28F8-3069, giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Bùi Thị Yên, cấp ngày 08/7/2005; 01 Bộ bàn ghế gỗ cũ; 01 Máy lọc nước nhãn hiệu Karofi cũ; 01 Téc nước 1000 lít nhãn hiệu Sơn Hà cũ; 01 Máy rửa xe gia đình cũ; 01 Máy nghiền mì ni gia đình nhãn hiệu Toàn Phát cũ; 01 Quạt treo tường cũ.

Bà Nguyễn Thị H được sở hữu, sử dụng: 01 Tivi panasonic 39 in cũ; 01 Máy điều Hoà nhãn hiệu Mitsumitsi; 01 Máy giặt Sanyo 6,8kg cũ; 01 Bình nước nóng Ariston cũ; 01 Tủ lạnh cũ; 02 Quạt cây điện cơ cũ; 01 Quạt trần cũ; 02 Quạt tản gió cũ.

Về công nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn phản hồi đề ngày 02/01/2020, bản tự khai ngày 13/01/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Viết M kết hôn vào tháng 01/1982, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình. Trước khi lấy nhau được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, không ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc nhưng từ năm 2017 ông M có quan hệ với người phụ nữ khác và đến ở hẳn với người phụ đó từ tháng 12/2018 cho đến nay. Nay ông M làm đơn xin ly hôn với bà, bà cũng đồng ý ly hôn với ông Phạm Viết M.

Về con chung: Bà H, ông M có 05 con chung tên là Phạm Thị Hoan, sinh năm 1984 (tử vong ngày 22/7/2019); Phạm Thị B, sinh năm 1985; Phạm Thị Đào, sinh năm 1988; Phạm Viết Thành, sinh năm 1989; Phạm Viết Công, sinh năm 1989. Vợ chồng ly hôn tất cả các con của bà đều đã trưởng thành và lập gia đình ra ở riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Về nguồn gốc đất, về toàn bộ tài sản ông M kê khai là đúng, tuy nhiên bà không có tiền để thanh toán trả cho ông M. Bà đề nghị Tòa án huyện Yên Thủy chia đôi đất và nhà dọc theo chiều đất, nhà và đảm bảo phía trước hai bên đều có mặt đường liên xóm. Nếu chia đôi bà xin được lấy phần bên phải nhà, giáp nương nước, vì bà không có tiền trả tiền chênh lệch cho ông M.

* Ngoài tài sản nhà, đất trên vợ chồng bà còn có các tài sản khác trong gia đình đúng như ông M khai. Vợ chồng ly hôn bà xin tự nguyện thỏa thuận và đề nghị Tòa ghi nhận vào biên bản, cụ thể:

Bà được sở hữu, sử dụng: 01 Tivi panasonic 39 in cũ; 01 Máy điều hoà nhãn hiệu Mitsumitsi; 01 Máy giặt Sanyo 6,8kg cũ; 01 Bình nước nóng Ariston cũ; 01 Tủ lạnh cũ; 02 Quạt cây điện cơ cũ; 01 Quạt trần cũ; 02 Quạt tản gió cũ.

Ông Phạm Viết M được sở hữu, sử dụng: 01 Xe máy ANGEL cũ, biển kiểm soát 28F8-3069, giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Bùi Thị Yên, cấp ngày 08/7/2005; 01 Bộ bàn ghế gỗ cũ; 01 Máy lọc nước nhãn hiệu Karofi cũ; 01 Téc nước 1000 lít nhãn hiệu Sơn Hà cũ; 01 Máy rửa xe gia đình cũ; 01 Máy nghiền mì ni gia đình nhãn hiệu Toàn Phát cũ; 01 Quạt treo tường cũ.

Về công nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên vợ chồng ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 24/06/2020 chị Phạm Thị B, anh Phạm Viết Công có đơn đề nghị gửi tòa án với nội dung nếu ông M, bà H ly hôn thì anh chị yêu cầu tòa tính công sức anh chị đóng góp với ông M bà H trong khối tài sản chung của ông bà. Nhưng sau đó chị B, anh Công đã khai là anh chị không đóng góp công sức, không đóng góp tiền vào khối tài sản chung là nhà, đất của ông M, bà H và anh chị đề nghị ông M bà H không chia tài sản chung mà để nhà và đất để dùng vào việc thờ cúng, để con cháu mỗi dịp giỗ, tết có nơi để về sum họp.

Chị Phạm Thị Đào có đơn đề nghị gửi Tòa án huyện Yên Thủy với nội dung chị được bố mẹ nuôi ăn học, hiện đang làm giáo viên tại thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, chị không đóng góp công sức, không đóng góp tiền vào khối tài sản nhà, đất của bố mẹ chị là ông M, bà H, toàn bộ tài sản nhà, đất là của bố mẹ chị. Trường hợp bố mẹ chị ly hôn chị không yêu cầu chia tài sản, chị chỉ có nguyện vọng bố mẹ chị để lại tài sản nhà đất không chia, sử dụng chung, để các con mỗi dịp giỗ, tết có thể về sum họp. Chị ở xa, bận công tác, chị xin được xét xử vắng mặt, mọi phán quyết của Tòa án chị không thắc mắc hay có ý kiến gì.

Anh Phạm Viết Công có đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án huyện Yên Thủy với nội dung anh là con đẻ của ông Phạm Viết M và bà Nguyễn Thị H, bản thân anh được bố mẹ nuôi ăn học và sau khi học xong anh đi làm ở Hải Dương, anh không đóng góp công sức, không đóng góp tiền và khối tài sản chung nhà và đất của bố mẹ. Anh bận công việc không thể tham dự phiên tòa nên anh làm đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 17/7/2020, mọi phán quyết của Tòa án anh đồng ý và không có ý kiến gì. Anh chỉ có nguyện vọng trường hợp bố mẹ anh ly hôn anh mong muốn bố mẹ anh để lại tài sản nhà, đất không chia để mỗi ngày giỗ, tết các con các cháu có chỗ để về sum họp.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2020 anh Phạm Viết Thành khai nhà, đất là của bố mẹ anh ông M, bà H, anh không đóng góp công sức, không đóng góp tiền. Trường hợp bố mẹ anh ly hôn anh có nguyện vọng mong muốn bố mẹ anh không chia tài sản nhà, đất mà để tài sản nhà, đất dùng vào việc thờ cúng để các con cháu ngày giỗ, tết về sum họp. Nhưng tại phiên tòa anh Thành lại khai anh có

công sức đóng góp vào khối tài sản chung của ông M, bà H tuy nhiên anh không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc đóng góp của mình.

Tại phiên tòa chị Phạm Thị B giữ nguyên ý kiến, chị không đóng góp công sức, không đóng góp tiền vào khối tài sản chung nhà, đất của ông M, bà H. Chị có nguyện vọng mong muốn bố mẹ chị không chia tài sản nhà, đất mà để tài sản nhà, đất để sử dụng chung vào việc thờ cúng, để con cháu có thể về sum họp.

Trong đơn xin xác nhận về tình trạng hôn nhân, biên bản xác minh (Bút lục 14, 60) Ủy ban nhân dân xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình đã xác nhận do quá trình xây dựng trụ sở, luân chuyển hồ sơ nên không tìm thấy hồ sơ sổ lưu của việc đăng ký kết hôn của năm 1982, do vậy UBND xã Bảo Hiệu không xác định được chính xác ông M, bà H đăng ký kết hôn vào ngày tháng năm nào, mà chỉ xác nhận cho ông M, bà H có đến UBND xã Bảo Hiệu đăng ký kết hôn vào khoảng thời gian tháng 01/1982 và sống chung vợ chồng với nhau từ tháng 01/1982, có 05 người con chung (01 con Phạm Thị Hoan đã chết năm 2019).

Trong biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ đã mô tả toàn bộ nhà, đất của gia đình ông M, bà H (Từ bút lục 45 đến bút lục 49) gồm có:

+) 01 Ngôi nhà hai tầng nằm trên diện tích đất 291,1m², đất đã được cấp GCNQSDĐ số BS 673403, mang tên hộ ông Phạm Viết M và bà Nguyễn Thị Hoà, cấp ngày 31/12/2013.

Tầng 1: Xây dựng năm 2005, mái bằng có diện tích sử dụng 50,4m²

Tầng 2: Xây dựng năm 2017, lợp tôn xóp 3 lớp và gồm 02 phần:

Phần 1: Gồm có cầu thang lên và phòng thờ, diện tích 26,4m².

Phần 2: Sân phơi có diện tích 24m²

+) Bếp: Nâng cấp, xây dựng năm 2017. Có 02 gian bếp, xây gạch bê tông xi măng, nền láng vữa xi măng cát, có diện tích 27,65m². Phần mái lợp tôn có diện tích 13,82m² và phần mái lợp phô xi măng có diện tích 13,82m².

+) Công trình phụ (Khu vệ sinh): Nâng cấp, xây dựng năm 2017. Phần nhà tắm + nhà vệ sinh, diện tích 6,15m². Phần sân láng vữa xi măng phía trước nhà vệ sinh, diện tích 24,38m²

+) Chuồng trại: Nâng cấp, xây mới năm 2017. Xây bằng gạch bê tông xi măng, mái lợp phô xi măng, có diện tích 108,73m²

Toàn bộ diện tích đất 291,1m², đất đã được cấp GCNQSDĐ số BS 673403, mang tên hộ ông Phạm Viết M và bà Nguyễn Thị H, cấp ngày 31/12/2013, địa chỉ thửa đất tại: Xóm Bảo Yên, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (nay đã đổi tên thành xóm Hợp Thành, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình), có các chiều cạnh cụ thể:

+ Phía Bắc giáp đường liên xã có số đo 7,13m

+ Phía Tây giáp với đất của nhà ông Nguyễn Duy P có số đo 39,95m

+ Phía Nam giáp với đất chưa sử dụng do UBND xã Bảo Hiệu quản lý có số đo 7,51m

+ Phía Đông giáp với ruộng nước có số đo 30,59m

Trong biên bản định giá tài sản (Từ bút lục 50 đến bút lục 58) xác định tổng giá trị tài sản nhà, đất của gia đình ông M, bà H là 835.310.433đ (Tám trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm mười nghìn, bốn trăm ba mươi ba đồng). Phần bên trái có giá trị là 465.659.190 (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi chín nghìn, một trăm chín mươi đồng); phần bên phải có giá trị là 369.651.243đ (Ba trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi một nghìn, hai trăm bốn mươi ba đồng).

Phản tranh luận:

Ông Phạm Viết M trình bày: Vợ chồng ly hôn ông có nguyện vọng để lại nhà và đất cho bà Hoà sở hữu sử dụng nhưng bà Hoà phải thanh toán trả cho ông $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản theo như định giá ($\frac{1}{2}$ của 835.310.433 đồng là 417.655.216 đồng), ông sẽ cầm tiền ra đi. Còn trường hợp bà H không lấy nhà, đất thì ông sẽ lấy nhà, đất và trả cho bà H $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất là 417.655.216 đồng. Riêng chi phí thẩm định, định giá tài sản là 2.000.000 đồng ông M tự nguyện nộp và không có ý kiến gì.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà vẫn giữ nguyên quan điểm bà đề nghị Hội đồng xét xử chia đôi đất và nhà dọc theo chiều đất, nhà và đảm bảo phía trước hai bên đều có mặt đường liên xóm. Nếu chia đôi bà xin được lấy phần bên phải nhà, giáp ruộng nước, vì bà không có tiền trả tiền chênh lệch cho ông M.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh H Bình phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã làm đúng theo trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành nghiêm giấy triệu tập của tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 33, 51, 53, 55, 57, 59, 62, 63 Luật hôn nhân gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-*Về tình cảm:* Công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Viết M và bà Nguyễn Thị H

- *Về con chung:* Không đề cập giải quyết.

-*Về tài sản chung:*

+ Về các tài sản đồ dùng trong gia đình: Công nhận sự thỏa thuận của ông Phạm Viết M, bà Nguyễn Thị H về việc đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của ông bà về các tài sản là đồ dùng trong gia đình, cụ thể:

Ông Phạm Viết M được sở hữu, sử dụng: 01 Xe máy ANGEL cũ, biển kiểm soát 28F8-3069, giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Bùi Thị Yên, cấp ngày 08/7/2005; 01 Bộ bàn ghế gỗ cũ; 01 Máy lọc nước nhãn hiệu Karofi cũ; 01 Téc nước 1000 lít nhãn hiệu Sơn Hà cũ; 01 Máy rửa xe gia đình cũ; 01 Máy nghiền mì ni gia đình nhãn hiệu Toàn Phát cũ; 01 Quạt treo tường cũ.

Bà Nguyễn Thị H được sở hữu, sử dụng: 01 Tivi panasonic 39 in cũ; 01 Máy điều H nhãn hiệu Mitsumitsi; 01 Máy giặt Sanyo 6,8kg cũ; 01 Bình nước nóng Ariston cũ; 01 Tủ lạnh cũ; 02 Quạt cây điện cơ cũ; 01 Quạt trần cũ; 02 Quạt tản gió cũ.

+ Về tài sản nhà và đất:

Ông Phạm Viết M được sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà 02 tầng + bếp + công trình phụ + chuồng trại, hành lang giáp mương nước và toàn bộ diện tích đất 291,1m², thửa đất số 152, tờ bản đồ số 48, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 673403, mang tên hộ ông Phạm Viết M và bà Nguyễn Thị Hoà, cấp ngày 31/12/2013. Tổng giá trị nhà + đất là ông Phạm Viết M được sở hữu, sử dụng là 835.310.433đ (Tám trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm mười nghìn, bốn trăm ba mươi ba đồng).

Ông Phạm Viết M phải thanh toán ½ giá trị tài chung của hai vợ chồng là nhà, đất cho bà Nguyễn Thị H là 417.655.216đ (Bốn trăm mười bảy triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm mười sáu đồng).

Bà Nguyễn Thị H được lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

- *Về án phí:* Ông Phạm Viết M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia. Bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- *Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:* Ông M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá về tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì nên không đề cập giải quyết.

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Phạm Viết M khởi kiện xin ly hôn bị đơn bà Nguyễn Thị H, nơi cư trú của bị đơn tại huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ điểm a khoản 1

Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh H Bình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục và xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Đây là vụ án kiện xin ly hôn được quy định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông M, bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện nhưng do quá trình xây dựng trụ sở, luân chuyển hồ sơ nên không tìm thấy hồ sơ sổ lưu của việc đăng ký kết hôn của năm 1982, do vậy UBND xã Bảo Hiệu không xác định được chính xác ông M, bà H đăng ký kết hôn vào ngày tháng năm nào, mà chỉ xác nhận cho ông M, bà H có đến UBND xã Bảo Hiệu đăng ký kết hôn vào khoảng thời gian tháng 01/1982 và sống chung vợ chồng với nhau từ tháng 01/1982, có 05 người con chung (01 con Phạm Thị Hoan đã chết năm 2019). Như vậy hôn nhân giữa ông M và bà H là hôn nhân hợp pháp. Xét về cuộc hôn nhân giữa ông M và bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Qua các lần H giải và tại phiên tòa ngày hôm nay, ông M, bà H đều thừa nhận rằng bản thân không còn tình cảm với nhau, ông M làm đơn xin ly hôn với bà H thì bà H cũng đồng ý, đây là sự thỏa thuận của các đương sự trên cơ sở tự nguyện, nên căn cứ điều 55 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của ông Phạm Viết M và bà Nguyễn Thị H.

[3.2] Về con chung: Ông M, bà H có 05 con chung tên là Phạm Thị Hoan, sinh năm 1984 (tử vong ngày 22/7/2019); Phạm Thị B, sinh năm 1985; Phạm Thị Đào, sinh năm 1988; Phạm Viết Thành, sinh năm 1989; Phạm Viết Công, sinh năm 1989. Vợ chồng ly hôn tất cả các con của ông M, bà H đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng, ông M, bà H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Tại phiên hoà giải ngày 22/5/2020 và tại phiên tòa ngày hôm nay ông Phạm Viết M, bà Nguyễn Thị H đều đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của ông bà về các tài sản trong gia đình, cụ thể:

Ông Phạm Viết M được sở hữu, sử dụng: 01 Xe máy ANGEL cũ, biển kiểm soát 28F8-3069, giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Bùi Thị Yên, cấp ngày 08/7/2005; 01 Bộ bàn ghế gỗ cũ; 01 Máy lọc nước nhãn hiệu Karofi cũ; 01 Tắc nước 1000 lít nhãn hiệu Sơn Hà cũ; 01 Máy rửa xe gia đình cũ; 01 Máy nghiền mì ni gia đình nhãn hiệu Toàn Phát cũ; 01 Quạt treo tường cũ.

Bà Nguyễn Thị H được sở hữu, sử dụng: 01 Tivi panasonic 39 in cũ; 01 Máy điều hoà nhãn hiệu Mitsumitsi; 01 Máy giặt Sanyo 6,8kg cũ; 01 Bình nước nóng

Ariston cũ; 01 Tủ lạnh cũ; 02 Quạt cây điện cơ cũ; 01 Quạt trần cũ; 02 Quạt tản gió cũ.

Xét thấy việc tự thỏa thuận của các đương sự là hợp pháp, căn cứ khoản 1 Điều 59 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của ông M, bà H đối với phần thỏa thuận này.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn đối với toàn bộ nhà, đất mà nguyên đơn, bị đơn không thỏa thuận được:

Nguyên đơn ông M xin tự nguyện để lại nhà và đất cho bị đơn bà Hoà sở hữu sử dụng nhưng bà Hoà phải thanh toán trả cho ông $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản như Hội đồng định giá đã công bố là 417.655.216 đồng, ông cầm tiền và ra đi. Nếu bà Hoà không nhất trí thì ông xin được lấy toàn bộ nhà, đất và ông sẽ thanh toán cho bà H 417.655.216 đồng. Còn bà H thì nêu bà không có tiền để thanh toán trả cho ông M. Bà đề nghị Hội đồng xét xử chia đôi đất, nhà dọc theo chiều đất, nhà và đảm bảo phía trước hai bên đều có mặt đường liên xóm. Nếu chia đôi bà xin được lấy phần bên phải nhà, giáp mương nước, vì bà không có tiền trả tiền chênh lệch cho ông M.

Trong quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đoàn thẩm định đã đo đạc diện tích đất, nhà và công trình chuồng trại cụ thể, cả phần yêu cầu đo chia đôi nhà, đất của bị đơn bà Nguyễn Thị Hoà. Tuy nhiên theo kết cấu xây dựng thì ngôi nhà 02 tầng này là 01 khối thống nhất, nếu cắt đôi thì sẽ ảnh hưởng đến kết cấu sẽ đổ nhà, nếu xây tường ngăn đôi thì bên phải nhà không có chỗ ở còn bên trái nhà không có lối đi lên tầng hai, không có lối đi vào phòng ngủ, không có lối đi ra công trình chuồng trại vệ sinh phía sau. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay ông M ưu tiên cho bà H lấy nhà, đất để ông ra đi nhưng bà H không có tiền để trả tiền chênh lệch cho ông M, bà chỉ muốn lấy phần bên phải nhà, giáp mương nước. Hội đồng xét xử căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản thì không thể chia đôi nhà đất theo chiều dọc nhà vì nếu chia sẽ ảnh hưởng đến kết cấu sẽ đổ nhà, xây tường ngăn đôi thì bên phải nhà không có chỗ ở còn bên trái nhà không có lối đi lên tầng hai, không có lối đi vào phòng ngủ, không có lối đi ra công trình chuồng trại vệ sinh phía sau. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận nguyện vọng của ông M, tuyên cho ông M được sở hữu sử dụng toàn bộ nhà đất và phải thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho bà H, cụ thể:

- Ông Phạm Viết M được sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà 02 tầng + bếp + công trình phụ + chuồng trại, hành lang giáp mương nước nằm trên diện tích đất 291,1m², đất đã được cấp GCNQSDĐ số BS 673403, mang tên hộ ông Phạm Viết M và bà Nguyễn Thị H, cấp ngày 31/12/2013 và toàn bộ diện tích đất 291,1m², thửa đất số 152, tờ bản đồ số 48, GCNQSDĐ số BS 673403, mang tên hộ ông

Phạm Viết M và bà Nguyễn Thị H, cấp ngày 31/12/2013 và toàn bộ diện tích đất 291,1m², thửa đất số 152, tờ bản đồ số 48, GCNQSDĐ số BS 673403, mang tên hộ ông Phạm Viết M và bà Nguyễn Thị H, cấp ngày 31/12/2013, địa chỉ thửa đất tại: Xóm Bảo Yên, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (nay đã đổi tên thành xóm Hợp Thành, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình). Tổng giá trị nhà, đất là 835.310.433đ (Tám trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm mười nghìn, bốn trăm ba mươi ba đồng).

- Ông Phạm Viết M phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền chênh lệch tài sản là 417.655.216đ (Bốn trăm mười bảy triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm mười sáu đồng).

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị B, Phạm Thị Đào, anh Phạm Viết Thành, anh Phạm Viết Công trong quá trình tố tụng có lời khai, có đơn đề nghị với nội dung các anh, chị không có đóng góp gì vào khối tài sản chung của ông M bà H, riêng anh Công tại phiên tòa có khai lại với nội dung anh có đóng góp công sức nhưng không có chứng cứ, chứng minh, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Ngoài ra chị Phạm Thị B, chị Phạm Thị Đào, anh Phạm Viết Thành, anh Phạm Viết Công có ý kiến mong muốn bố mẹ ông M, bà H không bán nhà, đất, để lại tài sản nhà, đất không chia, để sử dụng chung để con cháu mỗi dịp giỗ tết có nơi để về sum họp. Hội đồng xét xử nhận thấy việc cúng giỗ ông bà gia tiên là quyền riêng tư của ông Phạm Viết M do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H được lưu cư lại tại nhà ông Phạm Viết M 6 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án để tạo dựng nơi ở mới.

[4] *Chi phí thẩm định, định giá tài sản*: Chi phí thẩm định, định giá tài sản là 2.000.000 đồng, nguyên đơn ông Phạm Viết M tự nguyện nộp và không có ý kiến gì.

[5] *Về án phí*: Ông Phạm Viết M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu tiền án phí chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 163, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 33, 38, 51, 53, 55, 59, 62, 63 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Viết M và bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Ông M, bà H có 05 con chung tên là Phạm Thị Hoan, sinh năm 1984 (tử vong ngày 22/7/2019); Phạm Thị B, sinh năm 1985; Phạm Thị Đào, sinh năm 1988; Phạm Viết Thành, sinh năm 1989; Phạm Viết Công, sinh năm 1989. Vợ chồng ly hôn tất cả các con của ông M, bà H đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng, ông M, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

3.1. Về các tài sản đồ dùng trong gia đình:

Công nhận sự thỏa thuận của ông Phạm Viết M, bà Nguyễn Thị H về việc đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của ông bà về các tài sản là đồ dùng trong gia đình, cụ thể:

Ông Phạm Viết M được sở hữu, sử dụng: 01 Xe máy ANGEL cũ, biển kiểm soát 28F8-3069, giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Bùi Thị Yên, cấp ngày 08/7/2005; 01 Bộ bàn ghế gỗ cũ; 01 Máy lọc nước nhãn hiệu Karofi cũ; 01 Téc nước 1000 lít nhãn hiệu Sơn Hà cũ; 01 Máy rửa xe gia đình cũ; 01 Máy nghiền mì ni gia đình nhãn hiệu Toàn Phát cũ; 01 Quạt treo tường cũ.

Bà Nguyễn Thị H được sở hữu, sử dụng: 01 Tivi panasonic 39 in cũ; 01 Máy điều hoà nhãn hiệu Mitsumitsi; 01 Máy giặt Sanyo 6,8kg cũ; 01 Bình nước nóng Ariston cũ; 01 Tủ lạnh cũ; 02 Quạt cây điện cơ cũ; 01 Quạt trần cũ; 02 Quạt tản gió cũ.

3.2. Về tài sản nhà và đất:

- Ông Phạm Viết M được sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà 02 tầng + bếp + công trình phụ + chuồng trại, hành lang giáp mương nước nằm trên diện tích đất 291,1m², đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 673403, mang tên hộ ông Phạm Viết M và bà Nguyễn Thị Hoà, cấp ngày 31/12/2013 và toàn bộ diện tích đất 291,1m², thửa đất số 152, tờ bản đồ số 48, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 673403, mang tên hộ ông Phạm Viết M và bà Nguyễn Thị Hoà, cấp ngày 31/12/2013.

- Ông Phạm Viết M được sở hữu, sử dụng toàn bộ diện tích đất 291,1m², thửa đất số 152, tờ bản đồ số 48, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 673403,

mang tên hộ ông Phạm Viết M và bà Nguyễn Thị Hoà, cấp ngày 31/12/2013, địa chỉ thửa đất tại: Xóm Bảo Yên, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (nay đã đổi tên thành xóm Hợp Thành, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình), đất có các chiều cạnh cụ thể:

- + Phía Bắc giáp đường liên xã có số đo 7,13m
- + Phía Tây giáp với đất của nhà ông Nguyễn Duy P có số đo 39,95m
- + Phía Nam giáp với đất chưa sử dụng do UBND xã Bảo Hiệu quản lý có số đo 7,51m
- + Phía Đông giáp với ruộng nước có số đo 30,59m

Tổng giá trị nhà và đất ông Phạm Viết M được sở hữu, sử dụng là 835.310.433đ (Tám trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm mười nghìn, bốn trăm ba mươi ba đồng).

Ông Phạm Viết M phải thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị tài chung của hai vợ chồng là nhà, đất cho bà Nguyễn Thị H với số tiền là 417.655.216đ (Bốn trăm mười bảy triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm mười sáu đồng).

Bà Nguyễn Thị H được nhận từ ông Phạm viết M $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung của hai vợ chồng là nhà, đất với số tiền là 417.655.216đ (Bốn trăm mười bảy triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm mười sáu đồng).

Bà Nguyễn Thị H được lưu cư lại tại nhà ông Phạm Viết M 6 (Sáu) tháng để tạo dựng nơi ở mới kể từ ngày tuyên án 17/7/2020.

4. Chi phí thẩm định, định giá tài sản: 2.000.000 đồng, nguyên đơn ông Phạm Viết M tự nguyện nộp. Ông Phạm Viết M đã nộp đủ.

5. Về án phí: Ông Phạm Viết M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải nộp 20.706.209đ (Hai mươi triệu, bảy trăm linh sáu nghìn, hai trăm linh chín đồng) tiền án phí chia tài sản chung. Tổng cộng cả hai khoản ông M phải nộp là 21.006.209đ (Hai mươi một triệu, không trăm linh sáu nghìn, hai trăm linh chín đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp trước là 19.188.000đ (Mười chín triệu, một trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006058 ngày 23/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thủy, tỉnh H Bình. Ông Phạm Viết M còn phải nộp 1.818.209đ (Một triệu tám trăm mười tám nghìn, hai trăm linh chín đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thủy, tỉnh H Bình.

Bà Nguyễn Thị H phải nộp 20.706.209đ (Hai mươi triệu, bảy trăm linh sáu nghìn, hai trăm linh chín đồng) tiền án phí chia tài sản chung, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thủy, tỉnh H Bình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Viết M không trả số tiền chênh lệch chia tài sản chung

cho bà Nguyễn Thị H thì hàng tháng ông Phạm Viết M phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn ông Phạm Viết M, bị đơn bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị B, anh Phạm Viết Thành có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Đào, anh Phạm Viết Công vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại ủy ban nhân dân phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và ủy ban nhân dân phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Thi hành án;
- Viện kiểm sát;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Văn Cương

